TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 01 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

1.Ông Nguyễn Chí Dựng

2. Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28/01/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 012021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Đan Thị T, sinh năm 1990

2. Bị đơn: Anh Vũ Bá D, sinh năm 1987

Đều có địa chỉ: KDC C, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương (Chị T đề nghị xét xử vắng mặt; Anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đan Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Bá D vào ngày 22/02/2017, được đăng ký kết hôn tại UBND phường A trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính cách không phù hợp, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đầu năm 2021 chị và anh D đã tự sống ly thân, mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế giữa chị và anh D hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống gia đình không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh D để sớm ổn định cuộc sống cho cả đôi bên.

Quá trình Tòa án giải quyết anh D không chấp hành theo giấy triệu tập. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Vũ Bá C (bố đẻ anh D) xác định nội dung thông tin của anh D cụ thể như sau: Anh D kết hôn với chị T vào năm 2017, được đăng ký kết hôn tại UBND phường A trên tinh thần tự nguyện.

Trong quá trình chung sống ông thấy chị T có tính cách trẻ con, anh D hơi nóng tính, vợ chồng chủng chẳng với nhau. Tháng 3/2021, chị T về nhà ngoại ở. Nay anh D thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên không nhất trí ly hôn cùng chị T.

Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là cháu Vũ Tuệ L, sinh ngày 26/7/2021. Hiện cháu đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, Nay chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị T có một người con riêng là cháu Phạm Đan A, sinh ngày 12.01.2010. Chị T tự có trách nhiệm nuôi dạy cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C xác định, anh D nhất trí quan điểm của chị T về việc nuôi dưỡng con chung, khi nào cháu L lớn anh sẽ có ý kiến nuôi dưỡng sau. Về con riêng của chị T, anh D không có ý kiến.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Không có gì, đôi bên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường A cung cấp: Chị T và anh D kết hôn với nhau ngày 22 tháng 02 năm 2017 được đăng ký kết hôn tại UBND phường A. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn, hiện chị T không chung sống cùng anh D. Nay chị T xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Còn anh D cũng không có mặt và không có quan điểm trình bày gì thêm.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Đan Thị T được ly hôn với anh Vũ Bá D.

- *Về con chung:* Giao cháu Vũ Tuệ L, sinh ngày 26/7/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.Về con riêng: Không đặt ra việc giải quyết.

- *Về tài sản chung, riêng, nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Đan Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đan Thị T đối với anh Vũ Bá D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử chị Đan Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Vũ Bá D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xong vẫn không có mặt. Do vậy, TAND thị xã K áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Đan Thị T và anh Vũ Bá D là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đan Thị T kết hôn với anh Vũ Bá D trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị T đề nghị xin ly hôn anh D, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu lòng tin và trách nhiệm đối với nhau. Đầu năm 2021, chị T và anh D đã sống ly thân. Quá trình giải quyết Tòa án triệu tập nhiều lần, song anh D đều không có mặt. Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Đan Thị T được ly hôn anh Vũ Bá D là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Vũ Tuệ L, sinh ngày 26/7/2021. Về con riêng: Chị T có một người con riêng là cháu Phạm Đan A, sinh ngày 12.01.2010.

Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị T và anh D, nên cần chấp nhận giao cháu Vũ Tuệ L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Phạm Đan A, sinh ngày 12.01.2010, đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Đôi bên không yêu cầu, nên không giải quyết đặt ra giải quyết.

Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đan Thị T.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đan Thị T và anh Vũ Bá D.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Vũ Tuệ L, sinh ngày 26/7/2021 cho chị Đan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về con riêng: Cháu Phạm Đan A, sinh ngày 12.01.2010, đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

3.Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Đan Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0001192 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Chị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đan Thị T và anh Vũ Bá D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường A, KM,H.D;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền